

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 14/3/2025

V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Bùi Thị Kim Xuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Bạch Linh

2. Bà Chung Thị Thu Nguyệt

- **Thư ký phiên toà:** Bà Huỳnh Thị Diễm Quỳnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Trong các ngày 28/02/2025 và ngày 14/3/2025, tại Phòng xử án Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp xét xử công khai vụ án sơ thẩm thụ lý số: 16/2025/TLST-HNGĐ ngày 09/01/2025 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/02/2025, giữa:

1. **Nguyên đơn:** Bà Huỳnh Thị Kim N, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Số E, ấp A, xã M, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

2. **Bị đơn:** Ông Ngô Phước L, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Số E, ấp A, xã M, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Có đơn xin vắng mặt: Bà Huỳnh Thị Kim N

Vắng mặt: Ông Ngô Phước L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/12/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Kim N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 1997, bà Huỳnh Thị Kim N và ông Ngô Phước L sống chung với nhau như vợ chồng. Năm 2005, bà N và ông L đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận kết hôn số **152/2005** ngày **21/12/2005**, sống chung hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Ông L thường xuyên quản lý, can thiệp giờ giấc làm bà N mất tự do. Tháng 01/2024, vợ chồng sống ly thân cho đến nay, mỗi người một cuộc sống riêng, không ai quan tâm ai.

Nay tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, không thể tiếp tục kéo dài cuộc sống hôn nhân.

Về con chung: Bà N và ông L có 02 con chung tên : Ngô Huỳnh Cẩm M, sinh ngày 23/06/1997 và Ngô Thị Diễm M1, sinh ngày 07/02/2002. Hai con chung đã đủ tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Huỳnh Thị Kim N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay bà Huỳnh Thị Kim N yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Kim N yêu cầu ly hôn với ông Ngô Phước L.

- Về con chung: Ngô Huỳnh Cẩm M, sinh ngày 23/06/1997 và Ngô Thị Diễm M1, sinh ngày 07/02/2002 đã đủ tuổi trưởng thành và có đủ năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Ngô Phước L trình bày:

Ông Ngô Phước L thống nhất với lời trình bày của bà Huỳnh Thị Kim N về thời gian sống chung như vợ chồng, thời gian đăng ký kết hôn, thời gian chung sống hạnh phúc, thông tin và tình trạng hiện tại của con chung của vợ chồng, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn. Tuy nhiên, ông L cho rằng mâu thuẫn giữa ông L và bà N là không trầm trọng, ông L vẫn còn tình cảm với bà N.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Kim N, ông L có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Không đồng ý ly hôn với bà Huỳnh Thị Kim N.

- Về con chung: Ngô Huỳnh Cẩm M, sinh ngày 23/06/1997 và Ngô Thị Diễm M1, sinh ngày 07/02/2002 đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Bà Huỳnh Thị Kim N khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Ngô Phước L cho nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ Luật tố tụng dân sự xác định tranh chấp về hôn nhân và gia đình nêu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và quan hệ pháp luật là: Tranh chấp ly hôn.

[1.2] Về thẩm quyền: Bị đơn Ngô Phước L đăng ký thường trú và hiện đang sinh sống tại địa chỉ: Số E, ấp A, xã M, huyện L, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm

quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.3] Bà N, ông L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng bà N có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 28/02/2025 và ông L vắng mặt không rõ lý do. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà N và ông L theo quy định tại các Điều 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân:

Năm 1997, bà N và ông L sống chung như vợ chồng. Đến năm 2005, bà N và ông L kết hôn và được Ủy ban nhân dân M, huyện L, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận kết hôn số 152/2005 ngày 21/12/2005 theo đúng quy tại Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, là vợ chồng hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, bà N cho rằng trong cuộc sống hôn nhân đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng nên yêu cầu ly hôn với ông L. Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về mâu thuẫn: Giữa bà N và ông L là có phát sinh mâu thuẫn trong hôn nhân. Bà N cho rằng ông L quản lý giờ giấc, sinh hoạt riêng của bà N, ông L hay ghen tuông không lý do, hai bên cũng có xảy ra xô sát do bất đồng quan điểm trong việc bà N đi làm bên ngoài. Ngoài ra, trong thời kỳ hôn nhân ông L đã từng có tình cảm với phụ nữ khác, mặc dù hiện nay không còn nhưng bà N vẫn không thể bỏ qua. Từ những mâu thuẫn nêu trên dẫn đến bà N và ông L không tìm được tiếng nói chung, không thể dung hòa cuộc sống hôn nhân cho nên từ tháng 01/2024 đến nay hai bên sống ly thân, không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau. Hôn nhân của bà N và ông L đã không đảm bảo được tình nghĩa vợ chồng theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.”

- Về khả năng hàn gắn: Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã hòa giải, động viên để bà N và ông L hàn gắn lại tình cảm, đoàn tụ nhưng bà N vẫn cương quyết xin ly hôn. Đối với ông L cho rằng còn tình cảm với bà N nên không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, trong thời dài từ khi xảy ra mâu thuẫn đến nay ông L không giải quyết được mâu thuẫn giữa vợ chồng, ông L cũng hứa sẽ không quản lý bà N, chỉ mong muốn không ly hôn cho con có đầy đủ cha mẹ, nhưng bà N vẫn cương quyết ly hôn. Mặt khác, các con của bà N và ông L đã đủ tuổi trưởng thành và lập gia đình riêng, nên không phải là căn cứ xem xét chấp nhận ý kiến của ông L. Ngoài ra, ông L không có giải pháp nào khác để hàn gắn lại tình cảm vợ chồng.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân của bà N và ông L đã phát sinh nhiều mâu thuẫn và thực sự trầm trọng, không còn giữ được tình nghĩa vợ chồng, không có khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo

dài và mục đích hôn nhân không thể đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Huỳnh Thị Kim N đối với ông Ngô Phước L theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Bà N và ông L có 02 con chung tên Ngô Huỳnh Cẩm M, sinh ngày 23/06/1997 và Ngô Thị Diễm M1, sinh ngày 07/02/2002, hai con chung đã là người thành niên, ông L và bà N xác định 02 con chung không thuộc trường hợp mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là đảm bảo quyền tự quyết và định đoạt của đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà N và ông L không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là đảm bảo quyền tự quyết và định đoạt của đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về án phí: Bà Huỳnh Thị Kim N phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Ngô Phước L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Bà N1 và ông L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và Điều 19, 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Kim N.

1. Về hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Kim N được ly hôn với ông Ngô Phước L.

Quan hệ hôn nhân theo Giấy chứng nhận kết hôn số 152/2005 ngày 21/12/2005 của Ủy ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh Đồng Tháp chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: 02 con chung tên Ngô Huỳnh Cẩm M, sinh ngày 23/06/1997 và Ngô Thị Diễm M1, sinh ngày 07/02/2002 là người thành niên và có đủ năng lực hành vi dân sự nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị Kim N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ từ số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005415 ngày 08/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Huỳnh Thị Kim N và ông Ngô Phước L có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND xã M, huyện L, tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT (kx).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Thị Kim Xuyên